TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2025
V/v *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Cường
2. Bà Phạm Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 06-9-2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 09-7-2025 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn";* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-8-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28-8-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Xuân Th, sinh năm: 1986; địa chỉ: tổ 11, khu 2A, phường H1, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 11, khu H2 2A, phường H1, tỉnh Quảng Ninh); *vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985; địa chỉ: tổ 11, khu 2A, phường H1, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 11, khu H2 2A, phường H1, tỉnh Quảng Ninh); *đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị Xuân Th khai: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường H2, TP. H3, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H1, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 21-6-2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã nói chuyện nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 11-2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên

chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-12-2005 và Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh ngày 11-10-2014. Ly hôn, hiện nay cháu H1 đã thành niên, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị yêu cầu Tòa án giao cháu Nh cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Như. Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Nguyễn Văn H nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 29-7-2025, con chung của chị Th và anh H là cháu Nguyễn Thị Huyền Nh có ý kiến như sau: hiện nay sức khỏe của cháu bình thường; năm nay cháu lên lớp 6. Cháu mong muốn được mẹ cháu là chị Bùi Thị Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Tại biên bản làm việc ngày 11-8-2025, đại diện tổ 11, khu 2A, phường H1 (nay là tổ 11, khu H2 2A, phường H1), tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Chị Bùi Thị Xuân Th và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H1, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 21-6-2005. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị Th đã chuyển ra ngoài, sống ly thân với anh H từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Th và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-12-2005 và Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh ngày 11-10-2014. Hiện nay, cháu H1 đã thành niên, phát triển bình thường và đang học đại học; còn cháu Nh có sức khỏe bình thường và đang sinh sống cùng chị Th. Đề nghị Tòa án giao cháu Nh cho người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung của chị Th và anh H thì tổ dân không nắm được.

Toà án đã thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị Th có mặt, còn anh H vắng mặt không lý do. Do chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Th vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện; còn anh H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn về cơ bản đã chấp hành pháp luật tố tụng; còn bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng, cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án. Về nội dung, đề nghị Toà án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2

Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh H. Giao con chung là Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh ngày 11-10-2014 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nh mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Toà án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

〔1〕 Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Bùi Thị Xuân Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn H cư trú tại tổ 11, khu 2A, phường H1 (nay là tổ 11, khu H2 2A, phường H1), tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Th và anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng chị Th vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

〔2〕 Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Xuân Th và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố H3, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H1, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 21-6-2005; nên hôn nhân của chị Th và anh H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị Th và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau; nên chị Th và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không lý do, không có quan điểm về việc chị Th xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H, còn anh H vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, việc chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Toà án chấp nhận.

- Về con chung: quá trình chung sống, chị Th và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-12-2005 và Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh ngày 11-10-2014. Đối với con chung Nguyễn Thị H1 hiện nay đã thành niên, phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Huyền Nh chưa thành niên: ly hôn, chị Th yêu cầu Tòa án giao cháu Nh cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Như. Tòa án xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có quan điểm về việc nuôi dưỡng cháu Nh. Từ sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh. Tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 29-7-2025, cháu Nh có nguyện vọng mong muốn được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Hiện nay, chị Th đang làm công việc bán hàng tại quán Cà phê "H Cafe" tại Mega Market, phường H1, tỉnh Quảng Ninh với thu nhập trung bình là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*/tháng; mặc dù chị Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh công việc và mức thu nhập cụ thể nH đây là thu nhập thực tế mà chị Th có được từ công việc bán hàng của mình, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Như mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về các nội dung trên. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

〔3〕 Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh ngày 09-7-2025, chị Th đã nộp đủ án phí.

〔4〕 Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (sửa đổi bổ sung năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Xuân Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Xuân Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: giao con chung là Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh ngày 11-10-2014 cho chị Bùi Thị Xuân Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Huyền Nh. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thị Huyền Nh mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Xuân Th phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004304 ngày 09-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Xuân Th và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

***Nơi nhận**:*

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi Cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga